

Số: /KH-TTYT

Bảo Lộc, ngày tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH Hoạt động chuyên môn Trung tâm Y tế Bảo Lộc năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung

- Bảo Lộc gồm có: 06 phường và 5 xã, dân số: 162.494 người, diện tích: 23.256 ha, di biến động dân cư với số lượng lớn.

2. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế Lâm Đồng, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của thành ủy, UBND thành phố, sự phối kết hợp giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể trong thành phố.

- Cán bộ, nhân viên trong đơn vị đều có trình độ chuyên môn thuận lợi trong việc triển khai thực hiện công việc

3. Khó khăn

- Địa bàn thành phố rộng, đi lại khó khăn. Tình hình Kinh tế - Xã hội phát triển đi kèm theo đó là dân di cư biến động gia tăng ảnh hưởng đến các hoạt động phòng chống dịch bệnh và thực hiện các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia.

- Năm 2022 với diễn biến phức tạp của dịch bệnh đặc biệt là dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV-2 nên các hoạt động gặp nhiều khó khăn một số chương trình mục tiêu chưa đạt theo kế hoạch: Chương trình TCMR, khám, chữa bệnh...

- Nhân lực tại tuyến y tế cơ sở mỏng, phần lớn thời gian tập trung vào công tác tiêm ngừa vắc-xin Covid-19, các chương trình y tế khác chưa được quan tâm và chú trọng.

- Số lượng bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng và người lao động nghỉ việc nhiều cụ thể: Trong năm 2022, có 11 trường hợp nhân viên y tế nghỉ việc (05 bác sĩ, 01 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 kỹ sư, 01 cán bộ dân số)

- Nhân lực phải chia nhỏ để thực hiện các hoạt động phòng chống dịch như: Các khu cách ly tập trung, triển khai truy vết các ổ dịch, triển khai các đợt tiêm chủng vắc xin Covid 19...

- Chu kỳ của dịch SXH làm gia tăng số bệnh nhân và ổ dịch phải xử lý

- Thời gian đầu thầu thuốc, vật tư, hóa chất kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động chung của đơn vị.

- Phần lớn hệ thống máy vi tính đã quá cũ, cấu hình thấp không tương thích với các phần mềm. Bên cạnh đó, đơn vị không có cán bộ CNTT, cán bộ Trạm y tế trình độ về CNTT còn hạn chế nên việc triển khai các phần mềm khó khăn

- Cơ sở vật chất: Chật hẹp, nhiều cơ sở nhỏ nên phải chia nhân lực để làm cùng một công việc.

- Cán bộ y tế phải kiêm nhiệm nhiều việc, nhiều chương trình.

4. Cơ cấu nhân lực

- Tổng số người làm việc thực tế tính đến ngày 15/12/2022: 150 người. Tuyển dụng: 81 người. Trạm Y tế tuyển xã: 69 người.

- Cơ cấu chất lượng:

+ Sau đại học: 08 người (BSCCKII: 01; BSCKI: 6; CKI Y tế công cộng: 01).

+ Đại học: 59 người (BS đa khoa: 18, BS YHCT: 06; BS YHDP: 03; BS định hướng: 02; Dược sĩ đại học: 05, Cử nhân luật: 03; Cử nhân kế toán: 07; Cử nhân quản trị nhân lực: 01; Cử nhân hành chính: 01; Cử nhân điều dưỡng: 05; Cử nhân xét nghiệm: 03; CN hộ sinh: 01; CN YTCC: 01; CN công tác xã hội: 03).

+ Cao đẳng: 16 người (Cao đẳng dược: 01; Cao đẳng điều dưỡng: 09; Cao đẳng hộ sinh: 04; Cao đẳng kỹ thuật Y: 02).

+ Trung cấp: 64 người (Kế toán trung học: 03, Kỹ thuật viên Y: 01, Dược sĩ trung học: 04, Y sĩ đa khoa: 31, Y sĩ YHCT: 06, Y sĩ sản nhi: 02, Hộ sinh trung học: 12, Điều dưỡng trung học: 04, Văn thư lưu trữ: 01).

+ Sơ cấp và khác: 03 người (Lái xe: 01, Hộ lý: 02).

+ Số BS/vận dân: 8.

+ Tổng số cơ sở y tế cấp huyện: 1, cấp xã: 11.

+ Tổng số TYT có BS: 6.

+ Số xã, phường đạt tiêu chí Quốc gia: 11/11.

5. Bộ máy tổ chức:

Theo Quyết định số: 681/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

5.1. Ban Giám đốc

5.2. Các phòng chức năng

+ Phòng Tổ chức – Hành chính – Tài chính;

+ Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ – Dân số;

5.3. Y tế dự phòng, gồm:

- Khoa Y tế dự phòng.

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản.

5.4. Khám, chữa bệnh gồm:

- Phòng khám đa khoa Trung tâm;
- Khoa xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.
- 02 Phòng khám đa khoa khu vực (Lộc Thanh, Lộc Châu)

5.5. Các Trạm Y tế xã, phường:

Có 11 Trạm Y tế xã, phường là đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế thành phố Bảo Lộc; được tổ chức và hoạt động theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

II. MỤC TIÊU

Từng bước nâng dần chất lượng hoạt động của TTYT cả 02 lĩnh vực phòng bệnh và khám chữa bệnh. Tiến tới xây dựng TTYT Bảo Lộc trở thành TTYT có giường bệnh với quy mô bệnh viện đa khoa hạng III hoàn chỉnh, có cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp. Đời sống vật chất tinh thần ngày một nâng cao, môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết để đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân thành phố và các huyện lân cận.

A. CÁC HOẠT ĐỘNG

I. LĨNH VỰC ĐIỀU TRỊ

1. Thực hiện các quy chế chuyên môn:

- Đảm bảo thực hiện tốt các quy chế chuyên môn, thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thực hiện tiêm an toàn, quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn. Không để xảy ra sai sót chuyên môn do thiếu tinh thần trách nhiệm.
- Đảm bảo công bằng trong khám chữa bệnh, không gây phiền hà, sách nhiễu cho người bệnh.
- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh.

2. Công tác khám chữa bệnh:

- Tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đặc biệt là công tác khám chữa bệnh tại các trạm y tế xã, phường. Phát triển và mở rộng dịch vụ, kỹ thuật y tế tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng ở nơi gần nhất.
- Đẩy mạnh phát triển y dược học cổ truyền, phục hồi chức năng.
- Duy trì công tác khám chữa bệnh BHYT điều trị ngoại trú cho nhân dân trên địa bàn thành phố và các huyện lân cận.
- Tư vấn các vấn đề về sức khỏe cho người dân.
- Đảm bảo trực 24/24, giải quyết tốt các trường hợp cấp cứu.
- Duy trì công tác chỉ đạo tuyến theo quy định, có kế hoạch, báo cáo kết quả hằng quý, năm.
- Triển khai chuyển giao các kỹ thuật cho tuyến dưới về lâm sàng, cận lâm sàng.

- Phân công y, bác sĩ tham gia hỗ trợ, chuyên môn kỹ thuật tại các xã phường.
- Tham gia phòng chống dịch bệnh, sẵn sàng cấp cứu, điều trị khi có dịch bệnh xảy ra.
- Tăng cường kiểm tra công các điều dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn, thực hiện các quy chế chuyên môn, quản lý chất thải...
- Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế hóa chất xét nghiệm phục vụ cho khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra. Xây dựng danh mục thuốc, vật tư y tế phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và luôn đảm bảo ít nhất 80% loại thuốc, vật tư y tế trong danh mục đã xây dựng.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc khi đưa vào sử dụng. Tổ chức tốt hoạt động thông tin thuốc. Thực hiện đúng hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.
- Phấn đấu đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra: Khám chữa bệnh ngoại trú, khám YHCT và quản lý sức khỏe người dân.

*** Chỉ tiêu cụ thể** (Chi tiết có phụ lục 1 đính kèm)

3. Công tác điều trị bệnh nhân Covid – 19

- Tiếp nhận và điều trị 100% người bệnh nhiễm SARS-CoV-2 không triệu chứng và triệu chứng nhẹ (**Tầng 1 của tháp điều trị**) được phát hiện qua điều tra truy vết trong cộng đồng, do các cơ sở y tế trên địa bàn và các trường hợp nhiễm SARS-CoV-2 từ các cơ sở cách ly y tế tập trung trên địa bàn thành phố.
- Triển khai thực hiện điều trị không làm lây lan dịch bệnh trong quá trình điều trị, tổ chức thực hiện cách ly điều trị tại nhà.
- Thực hiện theo dõi và điều trị người bệnh theo Quyết định số 250/QĐ-BYT ngày 28/01/2022 về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19.

II. HOẠT ĐỘNG DỰ PHÒNG

A. Mục tiêu chung:

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm. Khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

B. Mục tiêu cụ thể: (Chi tiết có phụ lục 2 đính kèm)

Thực hiện theo các chỉ tiêu của kế hoạch số 1508/KH-SYT ngày 01/12/2020 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về việc hoạt động lĩnh vực y tế dự phòng và dân số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 – 2025;

Thực hiện Quyết định số 65/QĐ-SYT ngày 07/01/2023 của Sở Y tế lâm Đồng Quyết định về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Thực hiện Công văn số 04/KSBT-KHNV ngày 04/01/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu phát triển sự nghiệp Y tế năm 2023;

1. Những giải pháp chung trong triển khai các hoạt động lĩnh vực Y tế dự phòng

a) Tiếp tục hoàn thiện tổ chức nhân lực tại khoa YTDP tham mưu giám đốc TTYT củng cố hệ thống nhân lực Y tế dự phòng đào tạo, đào tạo lại nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn; lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, đánh giá,...

b) Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá; phân tích số liệu giám sát để phát hiện những điểm mạnh, tồn tại, tìm hiểu các yếu tố liên quan, từ đó, đề xuất các giải pháp can thiệp hiệu quả.

c) Chủ động phòng, chống dịch bệnh; ngăn chặn hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi; không chế không để dịch lớn xảy ra, hạn chế số ca mắc bệnh Covid-19, SXH, TCM, Sốt rét xuống mức thấp nhất. Chủ động phòng chống thiên tai, thảm họa; đảm bảo an toàn tiêm chủng và đạt tỷ lệ tiêm chủng theo quy định;

d) Xây dựng các bộ công cụ, biểu mẫu để thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá.

e) Thông tin, truyền thông về sức khỏe với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế, hiệu quả,...

g) Bảo đảm các điều kiện, trang thiết bị, thuốc men, vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế,... cho các hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Các nội dung hoạt động lĩnh vực Y tế dự phòng

2.1. Công tác phòng chống dịch lưu hành tại địa phương và dịch mới nổi

- Chủ động tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, tổ chức tập huấn, tập huấn lại cho cán bộ Y tế về công tác PCD lưu ý một số dịch bệnh mới nổi như SXH, Zika, TCM, cúm A...

- Tổ chức tập huấn kiến thức phòng chống dịch bệnh và kỹ năng truyền thông cho đội ngũ nhân viên y tế thôn.

- Hàng tháng phân công cán bộ giám sát chủ động nhằm phát hiện sớm ca bệnh truyền nhiễm và yếu tố nguy cơ để xử lý kịp thời không để dịch bệnh xảy ra.

- Phối hợp với tổ TTGDSK tăng cường các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trực tiếp thông qua hoạt động lồng ghép của mạng lưới Y tế thôn bản, cộng tác viên triển khai tại các hộ gia đình, đặc biệt quan tâm đến việc vệ sinh tại nhà và nơi công cộng.

- Khi có dịch phối hợp với các TYT thực hiện điều tra xử lý ổ dịch đúng theo quy định của BHYT.

- Thực hiện công tác thống kê, báo cáo kịp thời.

2.2. Phòng chống các bệnh lây nhiễm

Xây dựng kế hoạch giám sát, quản lý ca bệnh, các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền nhiễm phổ biến trên địa bàn tỉnh: Lao, phong, sốt rét, sốt xuất huyết...

a) Phòng, chống lao:

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe về bệnh lao. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát theo quy định, tăng cường áp dụng hệ thống thông tin điện tử trong quản lý dữ liệu và quản lý chương trình.

- Nâng cao chất lượng cán bộ phụ trách chương trình ở tuyến trung tâm và tuyến xã, phường bằng cách đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống bệnh lao.

- Quản lý và điều trị bệnh lao, lao/HIV, lao kháng thuốc trên địa bàn toàn thành phố theo đúng quy định.

- Duy trì công tác khám, hội chẩn bệnh lao tại phòng khám trung tâm và các tuyến cơ sở.

- Báo cáo hoạt động của chương trình, dự án theo quy định của Trung ương.

- Tổ chức giao ban định kỳ giải quyết kịp thời những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình.

b) Phòng, chống phong

- Duy trì và củng cố hoạt động Dự án phòng chống phong trên toàn thành phố.

- Duy trì công tác loại trừ bệnh phong theo 4 tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

- Tập trung đẩy mạnh công tác truyền thông để tiêu chí thứ 4 đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp nhận và cung cấp đủ thuốc, trang thiết bị chăm sóc tàn tật, phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong và triển khai cấp phát cho bệnh nhân phong.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe bằng mọi hình thức từ tuyến trung tâm và tuyến xã phường.

c) Phòng, chống sốt rét

- Xây dựng kế hoạch và tham mưu tổ chức thực hiện hoạt động phòng chống sốt rét trên địa bàn thành phố; phân bổ chỉ tiêu chuyên môn, phân phối vật tư, hóa chất thuốc men đảm bảo cho các trạm y tế xã, phường;

- Kiểm tra giám sát hoạt động phòng chống sốt rét tại các xã, phường.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cập nhật kiến thức chuyên môn cho tuyến dưới.

- Tăng cường công tác truyền thông phòng chống sốt rét

- Khoa y tế dự phòng: Tăng cường công tác truyền thông phòng chống sốt rét; kiểm tra, giám sát hoạt động tuyến xã; phối hợp điều tra ca bệnh, giải quyết ổ bệnh đúng thời gian và các yêu cầu chuyên môn theo đúng qui định.

- Trạm y tế xã, phường: Duy trì hoạt động điểm kính hiển vi chủ động phát hiện ca bệnh, lấy lam đúng đối tượng theo quy định, phát hiện sớm và điều trị kịp thời ca bệnh sốt rét; phối hợp với y tế thôn bản triển khai công tác truyền thông phòng chống sốt rét; giám sát chủ động tại các thôn bản trọng điểm. Phối hợp với Khoa y tế dự phòng chủ động điều tra ca bệnh, ổ bệnh đúng quy định. Tăng cường quản lý ca bệnh.

d) Phòng, chống sốt xuất huyết

- Tham mưu cho ủy ban nhân dân thành phố về chỉ đạo và xây dựng kế hoạch hoạt động phòng chống sốt xuất huyết; giám sát chặt chẽ tình hình sốt xuất huyết trên địa bàn; phối hợp với trạm y tế xã, phường giám sát những xã có ca bệnh tăng cao;

giám sát 100% ổ dịch nhỏ được phát hiện, tổ chức hoạt động phun hóa chất vùng nguy cơ; tổ chức các hoạt động truyền thông phòng chống sốt xuất huyết.

- Thực hiện thu dung, điều trị bệnh nhân sốt xuất huyết và thực hiện thống kê theo quy định tại Thông tư 54/2015/TT-BYT hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh truyền nhiễm.

- Trạm y tế xã, phường: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường về công tác phòng chống sốt xuất huyết trên địa bàn; tuyên truyền cho người dân các biện pháp phòng chống sốt xuất huyết

2.3. Tiêm chủng mở rộng

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn tiêm chủng được quy định tại Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật đối tượng vào sổ quản lý tiêm chủng trẻ em. Chủ động phát hiện các xã, phường có tỷ lệ tiêm chủng thấp để tiêm bổ sung cho các đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng.

- Thực hiện nghiêm túc việc khám sàng lọc trước khi tiêm chủng tại Quyết định 2470/QĐ-BYT ngày 14/06/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn Khám sàng lọc trước tiêm chủng đối với trẻ em.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ đối với việc theo dõi, hướng dẫn cách chăm sóc trẻ tại nhà và phát hiện các dấu hiệu có trẻ có phản ứng nặng sau tiêm chủng để đem đến cơ sở y tế kịp thời.

- Phát hiện và xử trí sớm các trường hợp có các triệu chứng của phản ứng phản vệ và xử trí sớm bằng Adrenalin theo hướng dẫn tại thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn, chẩn đoán và xử trí phản ứng phản vệ.

- Thực hiện nghiêm túc và báo cáo đầy đủ các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng.

- Tăng cường công tác truyền thông về tiêm chủng trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền trực tiếp tại các điểm tiêm chủng.

2.4. Phòng chống các bệnh không lây nhiễm

Xây dựng kế hoạch phòng chống, chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh,... một số bệnh không nhiễm phổ biến: Tăng huyết áp, đái tháo đường, các rối loạn do thiếu I-ốt, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) và hen phế quản, một số bệnh ung thư thường gặp,...

a) Phòng, chống tăng huyết áp và nguy cơ bệnh lý tim mạch

- Duy trì và củng cố hoạt động các đơn vị phòng chống bệnh tim mạch, tăng huyết áp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Đơn vị phòng chống bệnh tim mạch, tăng huyết áp có nhiệm vụ trực tiếp lập kế hoạch, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai và báo cáo các hoạt động của chương trình trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh triển khai khám sàng lọc cho đối tượng là người dân từ 40 tuổi trở lên và quản lý bệnh nhân THA tại cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế và cộng tác viên y tế thôn bản
- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện dự án tại các đơn vị;
- Tăng cường công tác truyền thông về phòng chống bệnh tim mạch, tăng huyết áp.

b) Phòng, chống bệnh đái tháo đường

- Triển khai khám sàng lọc phát hiện sớm đái tháo đường, đặc biệt nhóm người có nguy cơ cao (≥ 40 tuổi,...) bằng xét nghiệm đường máu tối thiểu 1 lần/năm; đối với các Trạm y tế xã có thể thực hiện bằng phiếu đánh giá nguy cơ hoặc xét nghiệm đường máu mao mạch.

- Xây dựng kế hoạch khảo sát định kỳ tỷ lệ mắc tiền đái tháo đường, đái tháo đường trong nhóm người 30-69 tuổi.

- Triển khai quản lý, điều trị, tư vấn thay đổi hành vi, tuân thủ điều trị, dự phòng các biến chứng do đái tháo đường... tại tuyến y tế cơ sở.

c) Phòng, chống các rối loạn do thiếu I-ốt.

- Giám sát và điều tra muối I ốt tại hộ gia đình
- Tăng cường công tác truyền thông bằng nhiều hình thức.
- Tổ chức tập huấn điều tra muối I ốt tại hộ gia đình cho cán bộ y tế và cộng tác viên y tế.

d) Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và Hen phế quản

- Thực hiện quản lý bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản tại cộng đồng.

- Duy trì công tác khám hội chẩn, tư vấn, đo chức năng hô hấp cho bệnh nhân trên địa bàn thành phố.

- Kết hợp với các chương trình giám sát các hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản tại địa phương.

- Tăng cường công tác truyền thông về phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản tại địa phương.

e) Phòng, chống ung thư

- củng cố mạng lưới quản lý bệnh ung thư tại Trạm y tế xã, phường
- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện dự án tại các đơn vị; định kỳ sơ kết, tổng kết và kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện.
- Tăng cường công tác truyền thông tuyên truyền cách phòng bệnh, phát hiện sớm, chăm sóc giảm nhẹ cho bệnh nhân ung thư tại cộng đồng.
- Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế và cộng tác viên y tế thôn bản.

2.5. Phòng chống HIV/AIDS

2.5.1. Mục tiêu 1. Giảm 20% số nhiễm HIV phát hiện mới qua tiêm chích ma túy; Giảm 16% số nhiễm HIV phát hiện mới qua quan hệ tình dục so với năm 2015.

2.5.1.1. Hoạt động truyền thông:

- Tăng cường triển khai các hoạt động truyền thông, các biện pháp can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV.

- Tham dự các lớp tập huấn công tác phòng, chống HIV/AIDS và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone.

- Phối hợp có hiệu quả bao gồm can thiệp giảm tác hại và hoạt động truyền thông có chủ đích.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông rộng rãi tháng cao điểm dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con và Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2023.

- Triển khai phong trào toàn dân tham gia phòng chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư và các hoạt động phòng chống HIV/AIDS tại các doanh nghiệp, cơ sở vui chơi giải trí.

2.5.1.2 Phân phát BKT:

- Vận động lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp ủng hộ cho chương trình BKT;

- Củng cố mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS tuyến xã, phường và đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên đồng đẳng. Mở rộng hoạt động phân phát và hướng dẫn sử dụng BKT thông qua mạng lưới nhân viên tiếp cận cộng đồng;

- Tạo sự sẵn có của bơm kim tiêm và duy trì hoạt động phân phát bơm kim tiêm sạch thông qua các kênh phân phát khác nhau: Qua tuyên truyền viên đồng đẳng, các hộp bơm kim tiêm cố định.

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho các cán bộ thực hiện chương trình can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV;

- Thiết kế, sản xuất và nhân bản các tài liệu truyền thông về chương trình BKT; thực hiện truyền thông trực tiếp cho nhóm NCMT;

- Cung cấp, hướng dẫn sử dụng BKT sạch; tổ chức thu gom BKT đã qua sử dụng thông qua mạng lưới TTVĐĐ, cộng tác viên.

2.5.1.3. Phân phát BCS cho GMD.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS cho tuyến trung tâm và xã, phường và đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên đồng đẳng. Mở rộng hoạt động phân phát và hướng dẫn sử dụng BCS, thông qua mạng lưới nhân viên tiếp cận cộng đồng;

- Tạo sự sẵn có của bao cao su và duy trì hoạt động phân phát bao cao su thông qua các kênh phân phát khác nhau, phát bao cao su miễn phí qua kênh tuyên truyền viên đồng đẳng, điểm cung cấp dịch vụ phòng chống HIV/AIDS.

- Truyền thông trực tiếp kiến thức về dự phòng lây nhiễm HIV, chương trình phân phát BCS, khuyến khích sử dụng BCS, hướng dẫn sử dụng BCS, giới thiệu các dịch vụ khám và chữa các bệnh lây truyền qua đường tình dục (LTQĐTD) cho các nhóm đối tượng có hành vi nguy cơ cao;

- Tổ chức sinh hoạt nhóm định kỳ giữa các đối tượng để cập nhật thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận được với các dịch vụ khám và điều trị các bệnh LTQĐTD cũng như các dịch vụ khác có liên quan;

2.5.1.4. Phân phát BCS cho nam QHTD đồng giới.

- Phân phát bao cao su và chất bôi trơn cho nhóm MSM thông qua các mô hình như: nhân viên tiếp cận cộng đồng, các cơ sở y tế, cơ sở lưu trú, cơ sở dịch vụ giải trí.

- Duy trì hoạt động tiếp cận và truyền thông thay đổi hành vi cho nhóm MSM, cũng như bạn tình của họ;

2.5.2. Mục tiêu 2. 85% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình

** Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV*

- Tiếp tục thực hiện công tác tư vấn xét nghiệm HIV theo đúng hướng dẫn quy định tại Nghị định 75/2016/NĐ-CP của Chính phủ về điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV, hướng dẫn quốc gia về xét nghiệm HIV, Thông tư 01/2015/TT-BYT về hướng dẫn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế;

- Triển khai công tác tư vấn xét nghiệm HIV trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo các quy định hiện hành, đặc biệt chú trọng phát hiện mới người nhiễm HIV, chuyển gửi thành công người nhiễm HIV phát hiện trong cơ sở khám bệnh chữa bệnh tham gia điều trị ARV;

- Tổ chức triển khai tư vấn xét nghiệm HIV tại cộng đồng, tư xét nghiệm HIV.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ chuyển gửi người nhiễm HIV đến các cơ sở khám điều trị ARV;

- Phối hợp các tổ chức cộng đồng, đồng đẳng viên, y tế thôn bản tìm kiếm những người có nguy cơ lây nhiễm HIV cao tham gia tư vấn xét nghiệm HIV sớm và định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn;

- Triển khai các đợt xét nghiệm HIV lưu động tại trại giam;

2.6. Bảo vệ sức khỏe tâm thần

- Xây dựng, tiếp tục củng cố mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng từ trung tâm, xã, phường, y tế thôn bản;

- Duy trì, quản lý điều trị bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh trên 11 xã, phường.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng hàng quý.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế và cộng tác viên y tế thôn bản.

- Tăng cường công tác truyền thông.

2.7. Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho Vị thành niên, thanh niên:

2.7.1 Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản (SKSS), sức khỏe tình dục (SKTD) của vị thành niên(VTN), thanh niên (TN) thành phố Bảo Lộc, góp phần đưa vị thành niên,

thanh niên trở thành một lực lượng lao động khỏe mạnh, phát huy hết tiềm năng để đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của đất nước, hướng tới đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

2.7.2 Kế hoạch hoạt động:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, lồng ghép các chỉ tiêu của chương trình “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên” vào hoạt động của các chương trình mục tiêu y tế.

- Phối hợp với các khoa, phòng xây dựng dự toán kinh phí triển khai thực hiện chương trình và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Khoa SKSS cần tăng cường nguồn nhân lực, trang thiết bị đảm bảo công tác khám, chữa bệnh, tư vấn về chăm sóc SKSS, SKTD như tình dục an toàn, các biện pháp tránh thai, hậu quả của mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cập nhật kiến thức chuyên môn cho tuyến dưới.

- Tổ chức các buổi truyền thông, giáo dục sức khỏe cho VTN, TN tại trường học, khu công nghiệp, các thôn, tổ dân phố tại các phường, xã.

- Khảo sát kiến thức của VTN, TN qua bộ câu hỏi phỏng vấn để đánh giá kiến thức.

- Kiểm tra giám sát hoạt động chương trình “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên” tại các xã, phường.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện chương trình theo quy định về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng.

2.8. Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

2.8.1. Mục tiêu:

Tiếp tục thực hiện mục tiêu cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản của người dân, tập trung vào giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em thông qua giải pháp can thiệp và thực hiện các biện pháp dự phòng có hiệu quả, ưu tiên những vùng còn nhiều khó khăn; đồng thời tăng cường tiếp cận và nâng cao dự phòng các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con, dự phòng và sàng lọc ung thư cổ tử cung.

2.8.2. Kế hoạch hoạt động:

2.8.2.1. Nhóm hoạt động làm mẹ an toàn, chăm sóc sơ sinh:

- Tập huấn chuyên môn về CSSKSS: Tập huấn cho 11 chuyên trách xã phường và 164 cộng tác viên, y tế thôn bản về kiến thức sản phụ khoa; kỹ năng chăm sóc quản lý thai nghén, chăm sóc bà mẹ và trẻ sau sinh, chăm sóc trẻ bệnh.

- Tập trung vào chăm sóc bà mẹ trong thời kì mang thai, được khám thai và tiêm VAT đúng lịch.

-Thực hành chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau mổ lấy thai (EENC).Chăm sóc trong đẻ, sau đẻ và xử trí tai biến không đẻ tai biến và tử vong mẹ xảy ra. (Đã được tập huấn và cấp chứng chỉ)

- Tiếp tục triển khai Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em trong toàn thành phố.

- Khoa thực hiện công tác “ Giám sát và đáp ứng tử vong mẹ” khi trạm y tế báo cáo có ca tử vong.

2.8.2.2. Nhóm hoạt động về chăm sóc sức khỏe trẻ em:

- Chăm sóc trẻ sơ sinh nhẹ cân, non tháng và bệnh lý tập trung vào hồi sức sơ sinh, chăm sóc bằng phương pháp Kangaroo (KCM).

2.8.2.3. Nhóm hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản:

+ Thực hiện xét nghiệm HIV cho phụ nữ trong thời kì mang thai > 80%

+ Thực hiện xét nghiệm VGB cho phụ nữ trong thời kì mang thai 80%

+ Tư vấn xét nghiệm giang mai cho phụ nữ có thai 80%.

+ Tư vấn và xét nghiệm máu cho phụ nữ có thai nhằm phát hiện thiếu máu.

+ Phụ nữ trong thời kì thai nghén và sau sinh một tháng được tư vấn về chế độ dinh dưỡng và uống viên sắt nhằm giảm tỷ lệ thiếu máu.

2.8.2 4. Nhóm hoạt động về sàng lọc ung thư cổ tử cung:

- Tổ chức khám phụ khoa kết hợp sàng lọc ung thư CTC cho phụ nữ 35- 54 tuổi khi đến khám đạt > 95% các xã, phường, trong toàn thành phố bằng nghiệm pháp Acid Acetic (đã được tập huấn).

2.8.2.5. Các hoạt động hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật.

- Khoa giám sát, hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, công tác thống kê báo cáo.

2.9 Chương trình Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:

2.9.1. Mục tiêu:

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng, giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và giảm tỉ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng < 2500g trên toàn thành phố Bảo Lộc.

2.9.2. Kế hoạch hoạt động:

- Phối hợp với các khoa/phòng triển khai các hoạt động thuộc Dự án như: dự toán kinh phí, tổng hợp và phân bổ các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của Dự án như: tổng hợp và phân bổ cân thước đo, biểu mẫu báo cáo, biểu đồ theo dõi tăng trưởng....

- Chịu trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động Dự án cho Ban giám đốc và các đơn vị có liên quan.

- Lập dự toán hoạt động. Phân bổ và kiểm tra triển khai kinh phí cho các xã/phường. Đảm bảo kinh phí được sử dụng đúng mục đích nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Dự án. Thanh quyết toán kinh phí theo hướng dẫn.

- Phối hợp với phòng Kế hoạch Nghiệp vụ và Dân số lên kế hoạch và dự toán kinh phí mua cân, thước đo để kịp thời thay thế các cân, thước đo bị hỏng. Mục tiêu đảm bảo mỗi cộng tác viên có 01 cân trẻ $\leq 30\text{kg}$, 01 thước đo. Mỗi trạm Y tế có 01 cân điện tử, 01 thước đo đứng cho trẻ em, 01 thước đo nằm cho trẻ em, 01 cân bàn có kèm theo thước đo cho bà mẹ mang thai.

- Phối hợp với khoa Y tế dự phòng tham gia điều tra tình trạng dinh dưỡng theo kế hoạch của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng 1 lần/năm. Kết hợp với Chương trình truyền thông triển khai các hoạt động truyền thông dinh dưỡng như: nuôi con bằng sữa mẹ, tác dụng của việc theo dõi sự phát triển chiều cao/cân nặng của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng.....

- Tổng hợp số lượng, biểu mẫu báo cáo, biểu đồ tăng trưởng trẻ em, sổ quản lý trẻ, mẫu báo cáo cho cộng tác viên. Phối hợp với Phòng Tổ chức – Hành chính – Tài chính lên kế hoạch in và phân bổ cho các xã/phường.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn cho các cộng tác viên - Y tế thôn bản tối thiểu 1 lần/ năm.

- Tổ chức tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho các chuyên trách xã/phường 2 lần/ năm.

- Giám sát về chuyên môn xã/phường 1 tháng/ lần.

- Tổng hợp báo cáo hàng tháng và quý, gửi báo cáo cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật và các đơn vị theo các biểu mẫu do Viện dinh dưỡng và Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng triển khai (theo phụ lục đính kèm).

- Lập kế hoạch và giám sát chiến dịch cân, đo trẻ ≤ 5 tuổi 2 lần/ năm.

- Tổng hợp những khó khăn, thắc mắc, kiến nghị của các xã/phường trong quá hoạt động trình cho Ban giám đốc để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2.10. Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam”.

2.10.1. Mục tiêu:

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.

2.10.2. Kế hoạch thực hiện:

- Phối hợp với các khoa/phòng lập kế hoạch triển khai các hoạt động của Chương trình. Phối hợp với phòng Kế hoạch Nghiệp vụ và Dân số tham mưu các văn bản về dinh dưỡng, giám sát đánh giá kết quả hoạt động của Chương trình.

- Phối hợp với phòng Tổ chức – Hành chính – Tài chính lập dự toán hoạt động cho chương trình. Phân bổ kinh phí và giám sát thực hiện kinh phí, tổng hợp và quyết toán theo qui định. Đảm bảo sử dụng đúng mục đích kinh phí đã được phân bổ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Chương trình.

- Phối hợp với Chương trình truyền thông lập kế hoạch truyền thông về dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời như: dinh dưỡng cho bà mẹ có thai và bà mẹ có con ≤ 2 tuổi, đặc biệt các bà mẹ có con ≤ 2 tuổi bị suy dinh dưỡng, nguy cơ của thiếu máu khi mang thai. Phát băng rôn tuyên truyền về dinh dưỡng cho các xã/phường vào các ngày vi chất dinh dưỡng; tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ; tuần lễ dinh dưỡng và phát triển. Cung cấp các băng, đĩa có nội dung về dinh dưỡng cho các xã/phường.

- Phối hợp với phòng Xét nghiệm tổ chức thực hiện xét nghiệm máu cho các bà mẹ mang thai đến khám thai tại Phòng khám đa khoa trung tâm và 02 phòng khám đa khoa khu vực.

- Lòng ghép với Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em tổ chức tập huấn cập nhật kiến thức cho các cán bộ chuyên trách, y tế thôn bản, cộng tác viên trên địa bàn về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ < 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ < 2 tuổi 1 lần/ năm.

- Tổ chức giám sát về chuyên môn với các xã/phường 1 tháng/lần.

- Kết hợp với Dự án Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em lập kế hoạch điều tra các kết quả hoạt động theo các chỉ tiêu của chương trình 1 lần/năm nhằm đánh giá kết quả thực hiện của Chương trình.

- Kết hợp với Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản thực hiện cập nhật số bà mẹ mang thai được xét nghiệm máu.

- Tổng hợp báo cáo và gửi báo cáo cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật theo các mẫu báo cáo do Viện dinh dưỡng và Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng triển khai (1 lần/quý).

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình báo cáo nhanh cho Ban giám đốc để có những biện pháp giải quyết kịp thời

2.11. Chăm sóc sức khỏe học sinh

- Xây dựng kế hoạch liên ngành Y tế và Giáo dục triển khai các hoạt động YTTH và sự phối hợp giữa Y tế - Giáo dục.

- Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành Y tế - Giáo dục đánh giá việc triển khai công tác YTTH tại địa phương.

- Đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống bệnh học đường tập trung các bệnh: cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng rối loạn tâm thần học Phối kết hợp với đoàn thể tích cực tham gia hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng rối loạn tâm thần học cho phụ huynh, học sinh.

- Tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức chuyên môn. Triển khai thực hiện các hướng dẫn chuyên môn trong công tác y tế trường học; đánh giá tình trạng dinh dưỡng, sàng lọc rối loạn tâm thần học.

2.12. Chăm sóc sức khỏe người khuyết tật

- Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh.

- Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.

- Duy trì hoạt động phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật.

2.13. Phòng, chống tai nạn thương tích

- Kiện toàn duy trì hoạt động Ban chỉ đạo phòng chống tai nạn thương tích của địa phương.

- Tăng cường công tác truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, đài phát thanh, áp phích khẩu hiệu phòng chống TNTT...tuyên truyền phòng chống TNTT tại các khu vực tập trung dân cư, điểm đen về TNTT.

- Hướng dẫn tuyến huyện triển khai thực hiện đầy đủ và báo cáo kịp thời TNTT theo hệ thống biểu mẫu về TNTT (Quyết định 25/2006/QĐ –BYT ngày 22/8/2006 và thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 07 năm 2019 quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế).

- Tiếp tục củng cố mạng lưới lưới y tế thôn bản, cộng tác viên và tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực sơ cứu, cấp cứu TNTT tại cộng đồng thông.

- Cử cán bộ chuyên trách tham dự các buổi hội thảo, khóa đào tạo liên tục về công tác phòng, chống TNTT do tuyến trên tổ chức.

- Kiểm tra, giám sát công tác báo cáo TNTT và công tác triển khai duy trì cộng đồng an toàn tại 11 trạm Y tế xã, phường.

- Hướng dẫn các trạm Y tế xã, phường xây dựng kế hoạch PCTNTT, từng bước phối hợp các ban ngành, đoàn thể xây dựng mô hình “Cộng đồng an toàn” trên cơ sở phát triển mô hình “Gia đình an toàn”, “Trường học an toàn” tại một số xã, phường.

2.14. Dinh dưỡng

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch 556/KH-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” tỉnh Lâm Đồng.

- Giám sát tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, đặc biệt là suy dinh dưỡng thể thấp còi và béo phì ở người trưởng thành.

- Thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho cộng đồng, người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em về chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn giảm muối, ăn đủ rau và trái cây, hạn chế sử dụng thực phẩm không có lợi cho sức khỏe. Kê đơn dinh dưỡng và vận động thể lực trong quản lý và điều trị người mắc bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai cho trẻ từ 6 – 36 tháng tuổi uống Vitamin A 2 đợt trong năm.

- Thường xuyên hàng tháng triển khai cho bà mẹ sau sinh trong vòng 1 tháng được uống Vitamin A.

2.15. Chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động; phòng, chống bệnh nghề nghiệp

- Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, giảm ô nhiễm môi trường lao động; ngăn chặn tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động; nâng cao nhận thức và sự tuân thủ pháp luật về bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn tính mạng cho người lao động, tài sản của Nhà nước, tài sản của doanh nghiệp, của tổ chức, góp phần vào sự phát triển bền vững của quốc gia.

- Tăng cường giám sát tình hình vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động tại các cơ sở lao động trên địa bàn; triển khai các biện pháp phòng, chống các bệnh nghề nghiệp phổ biến trong các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp;

- Phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh tập huấn cho các doanh nghiệp trên địa bàn, Nâng cao năng lực giám sát và quản lý vệ sinh lao động, môi trường lao động của doanh nghiệp; Giám sát hỗ trợ chuyên môn công tác VSLĐ cho 40% doanh nghiệp được quản lý.

- Thông tin giáo dục truyền thông, hướng dẫn, giám sát chuyên môn, kỹ thuật về vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động (bao gồm cả phòng chống bệnh nghề nghiệp), sơ cứu, cấp cứu cho cơ sở lao động trên địa bàn;

2.16. Vệ sinh môi trường

- Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất tình trạng vệ sinh chung tại các Công ty cấp thoát nước, kiểm tra và giám sát chất lượng nguồn nước sinh hoạt (lấy mẫu xét nghiệm) các công trình cấp nước tập trung vùng nông thôn và các hộ gia đình.

- Phối hợp với trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh tập huấn cho cộng tác viên, y tế thôn bản về nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông giáo dục sức khỏe về VSMT và hưởng ứng tuần lễ Quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo tuyên đối với các trạm Y tế xã, phường về việc triển khai thực hiện chương trình SKMT.

+ Kiểm tra quản lý chất thải tại trung tâm y tế, Phòng khám, các trạm y tế việc thực hiện các nội dung qui định về quản lý chất thải y tế, chất thải nguy hại trong TT20/2021/TT-BYT.

+ Kiểm tra về hoạt động của chương trình vệ sinh môi trường tại 11 trạm Y tế xã, phường.

+ Kiểm tra các công trình cấp nước và VSMT tại các TYT xã, rà soát lại chất lượng nước tại một số TYT xã: tổ chức lấy mẫu nước xét nghiệm

+ Hỗ trợ các hoạt động giám sát chương trình VSMT cho tuyến xã, phường.

+ Giám sát VSMT tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ ô nhiễm.

- Tổ chức kiểm tra về nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn tỉnh: kiểm tra thực địa tại hộ gia đình.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về sức khỏe môi trường theo qui định.

2.17. An toàn thực phẩm

- Tăng cường công tác truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, đài phát thanh, áp phích khẩu hiệu về VSATTP...

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục kiến thức về VSATTP và các văn bản quy phạm pháp luật; trọng tâm là tuyên truyền Luật an toàn thực phẩm cho người sản xuất, chế biến, kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm bằng các hình thức nói chuyện chuyên đề, lồng ghép vào các buổi họp dân, sinh hoạt các tổ chức đoàn thể...

- Phối hợp với Phòng Y tế kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm các đợt cao điểm và mùa lễ hội; kiểm tra, giám sát chuyên ngành các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp; kiểm tra đột xuất khi có sự cố về an toàn thực phẩm; giám sát các sản phẩm thực phẩm bao gói sẵn.

- Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, trường học, khu công nghiệp; điều tra ngộ độc thực phẩm khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra.

- Xây dựng mô hình điểm an toàn thực phẩm cho các loại hình: thức ăn đường phố, an toàn thực phẩm tuyến cơ sở...

2.18. Thông tin, truyền thông y tế

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới TTGDSK từ trung tâm đến thôn bản. 100% tổ TTGDSK tại các đơn vị trong ngành có cán bộ chuyên trách, hoạt động hiệu quả. 100% trạm y tế xã, phường có cán bộ làm công tác TTGDSK; 100% thôn, bản, tổ dân phố có truyền thông viên hoạt động.

- Tổ chức tập huấn về công tác TTGDSK cho mạng lưới và cộng tác viên truyền thông toàn thành phố.

- Triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe:

- + Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân: Luật bảo hiểm y tế, Đề án 1816, phong trào “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”; nêu gương người tốt việc tốt qua phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tuyên truyền vận động người dân tích cực tham gia bảo hiểm y tế toàn dân, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, nâng cao đạo đức nghề nghiệp hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- + Tuyên truyền chủ đề về các ngày y tế trong năm.

- + Tuyên truyền các dịch bệnh lây nhiễm lưu hành tại địa phương và bệnh dịch nguy hiểm mới nổi.

- + Tuyên truyền các bệnh dịch không lây nhiễm.
- + Tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm, về chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số - Kế hoạch hóa gia đình.
- + Tuyên truyền sử dụng thuốc hợp lý, kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán và điều trị bệnh.
- + Áp dụng nhiều hình thức truyền thông gián tiếp: Thực hiện chuyên mục sức khỏe cho mọi người, phóng sự, phát thông điệp...
- + Tổ chức nhiều hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, tại các bệnh viện các buổi truyền thông chuyên đề, thảo luận nhóm, làm mẫu và thăm hộ gia đình.
- Đẩy mạnh công tác phát triển tài liệu truyền thông phòng chống dịch bệnh, truyền thông Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số phân phối đến các đơn vị trong ngành.
- Thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, hội thảo về chuyên môn và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TT GDSK.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động truyền thông trên địa bàn ngay từ đầu năm.
- Tổ chức giao ban, giám sát hỗ trợ mạng lưới TTGDSK mỗi quý 1 lần, tổng kết hoạt động định kỳ, xác định những việc còn tồn tại để rút kinh nghiệm, tìm biện pháp giải quyết, đồng thời triển khai kế hoạch tiếp theo.

2.19. Theo dõi, giám sát, đánh giá

- Xây dựng các bộ công cụ có giá trị và độ tin cậy giám sát các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và dân số phát triển.
- Triển khai giám sát hỗ trợ, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu để đánh giá đúng thực trạng vấn đề và đề xuất các biện pháp can thiệp phù hợp.

III. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ

1. Mục tiêu:

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; Nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi góp phần phát triển Thành phố Bảo Lộc nhanh và bền vững.

2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

2.1. Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh

- Dân số trung bình: 163.500 người
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0.90%
- Bình quân số con sinh đẻ ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (đạt duy trì mức sinh thay thế) đạt 2,0 con.
- Tỷ số giới tính khi sinh 108 trẻ sơ sinh trai / 100 trẻ sơ sinh gái).
- 90% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.
- Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai chung đạt (CPR) 77%.

- Tổng số người mới sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại: 11.000 người

2.2. Nâng cao chất lượng dân số

- Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 100%.
- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 60%.
- Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh đạt 100%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến đạt 60%.
- Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn và quản lý thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền đạt 100%.
- Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tầm soát phát hiện thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền đạt 100%.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 60%.

2.3. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Tỷ lệ Trạm Y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình đạt 100%.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm đạt 50%.
- Tỷ lệ người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe đạt 50%.

3. Nội dung tổ chức các hoạt động về hoạt động dân số và phát triển

3.1. Xây dựng các kế hoạch hướng dẫn tổ chức thực hiện các chương trình Dân số và phát triển năm 2023: Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; kế hoạch duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh; kế hoạch nâng cao chất lượng dân số; kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thông dân số; kế hoạch kiểm tra giám sát các chương trình dân số; kế hoạch Chiến dịch lồng ghép chăm sóc SKSS với dịch vụ kế hoạch hóa gia đình,...

3.2. Giao chỉ tiêu về Dân số và phát triển cho các xã phường năm 2023

3.3. Nhận sổ A0 từ Chi cục DS-KHHGD Tỉnh Lâm Đồng và cấp phát cho đội ngũ cộng tác viên dân số của 11 xã, phường. Tiếp tục rà soát, cập nhật các thông tin biến động hộ gia đình vào phần mềm dữ liệu dân cư MISH2022.

3.4. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại 11 xã, phường: Tổ chức Hội nghị, hội thảo, nói chuyện chuyên đề, tư vấn trực tiếp về giới tính khi sinh tại cộng đồng, tại các Trường THCS, THPT.

- Tổ chức 01 lớp tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, tư vấn về Giới tính khi sinh cho CTV dân số, y tế.

3.5. Tổ chức tuyên truyền về nâng cao chất lượng dân số tại 11 xã, phường: Tổ chức Hội nghị, hội thảo, nói chuyện chuyên đề, tư vấn trực tiếp về nâng cao chất lượng dân số tại cộng đồng.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền thường xuyên các nội dung về DS-SKSS-KHHGD tại các xã, phường

- Tổ chức 01 lớp tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, tư vấn về chương trình nâng cao chất lượng dân số cho CTV dân số, y tế.

3.6. Tổ chức tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Xây dựng mạng lưới tình nguyện viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi lồng ghép với CLB người cao tuổi.

- Tổ chức tập huấn kiến thức về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho đội ngũ tình nguyện viên các xã, phường.

3.7. Phối hợp với Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về DS-KHHGĐ cho cộng tác viên.

3.8. Thường xuyên thực hiện cập nhật các thông tin biến động hộ gia đình vào dữ liệu dân cư điện tử.

3.9. Tổ chức các hoạt động mô hình truyền thông tại 4 xã, phường: Đại Lào, Lộc Châu, Đam'Bri và phường 2.

3.10. Tổ chức thực hiện chiến dịch lồng ghép chăm sóc sức khỏe sinh sản với cung cấp dịch vụ KHHGĐ. Thực hiện Dự án RESPOND đến tháng 7/2023 đạt 400 ca vòng tránh thai.

3.11. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày các ngày lễ trong năm: Ngày Dân số thế giới (11/7), ngày Trẻ em Gái.

3.12. Thống kê tổng hợp báo cáo theo quy định.

IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC KHÁC

1. Tập trung củng cố hoạt động TYT xã, phường

Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tranh thủ các nguồn lực đầu tư cho y tế xã để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; đảm bảo thuốc, vật tư y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và phòng chống dịch tại các trạm y tế xã theo qui định.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, nhân viên y tế tuyến xã, phường để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. Nâng cao chất lượng giám sát, kiểm tra

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng tháng, hàng quý về việc thực hiện Quy chế cơ quan và hoạt động TYT xã. Nhằm phát hiện và có biện pháp khắc phục những thiếu sót trong quá trình thực thi nhiệm vụ

3. Phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực y tế

Rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp theo nhu cầu thực tế và phân công nhân lực phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện tốt công tác đào tạo ngắn hạn, dài hạn, đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên y tế nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân

4. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng

Triển khai thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng; tổ chức ký giao ước thi đua, đăng ký danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; xây dựng và duy trì thường

xuyên các phong trào thi đua yêu nước. Tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá định kỳ công tác thi đua khen thưởng. Chú trọng phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

5. Củng cố công tác quản lý dược

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khoa dược theo Quy chế.
- Xây dựng các qui trình liên quan đến công tác quản lý khoa dược.
- Nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ quản lý dược bằng cách tăng cường công tác phổ biến các văn bản liên quan đến công tác dược.
- Cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc, vật tư y tế trong khám chữa bệnh cũng như trong công tác phòng chống dịch.

6. Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến

Phân công bác sĩ có tay nghề vững hỗ trợ chuyên môn cho các trạm y tế và phòng khám khu vực. Đầu tư cho các trạm y tế thêm một số trang thiết bị cần thiết trong công tác chẩn đoán và điều trị

7. Nâng cao công tác nghiên cứu khoa học:

Cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn nghiên cứu khoa học. Đưa công tác nghiên cứu khoa học vào chỉ tiêu xét thi đua của các khoa, phòng, trạm y tế.

V. DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ: (Thực hiện theo quyết định số 65/QĐ-SYT ngày 07/01/2023 của sở Y tế lâm Đồng Quyết định về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023)

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch năm 2023 (VNĐ)	Ghi chú
TỔNG CỘNG		1.770.000.000	
1	Chương trình Phòng chống dịch lưu hành tại địa phương	28.777.200	
2	Phòng chống thiên tai, thảm họa, ứng phó với biến đổi khí hậu	84.685.500	
3	Hoạt động phòng, chống lao	3.006.000	
4	Hoạt động phòng, chống phong	8.380.800	
5	Hoạt động phòng, chống sốt rét	14.427.000	
6	Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	190.449.000	
7	Hoạt động phòng, chống ung thư	11.196.000	
8	Hoạt động phòng, chống tăng huyết áp	13.330.800	
9	Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường	89.773.200	

10	Hoạt động phòng, chống các rối loạn do thiếu i-ốt	2.862.000	
11	Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản	6.642.000	
12	Hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh	8.649.000	
13	Hoạt động Tiêm chủng mở rộng	157.522.500	
14	Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng	5.544.000	
15	Nhóm hoạt động II - Vitamin A	7.848.000	
16	An toàn vệ sinh thực phẩm	61.722.000	
17	Phòng, chống HIV/ AIDS	73.945.800	
18	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	119.936.700	
19	Phòng chống tai nạn thương tích và xây dựng cộng đồng an toàn	27.367.200	
20	Công tác Y tế lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp	10.728.000	
21	Vệ sinh môi trường	28.836.000	
22	Thông tin, truyền thông y tế lĩnh vực Y tế dự phòng	254.036.700	
23	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	27.450.000	
24	Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ, trẻ sơ sinh	76.958.100	
25	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	67.747.500	
26	Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới khi sinh	228.249.000	
27	Nâng cao chất lượng dân số	97.740.000	
28	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	62.190.000	

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch nghiệp vụ và Dân số:

Giám sát và theo dõi việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch các chương trình y tế, chỉ tiêu chuyên môn của toàn đơn vị.

Cung ứng vật tư, hóa chất, thuốc, vắc xin ... theo dự trù và đề nghị của các đơn vị.

Thống kê tổng hợp báo cáo theo quy định

2. Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính:

Phối hợp tham mưu các chế độ chính sách cho người lao động, phối hợp với khoa y tế dự phòng trong việc điều xe để phục vụ công tác phòng chống dịch, in ấn biểu mẫu, băng rôn... theo dự trù của các đơn vị

Tham mưu Ban giám đốc bố trí đảm bảo kinh phí để phục vụ các chương trình.

Hướng dẫn các thủ tục ký chương trình trong công tác thanh quyết toán và đảm bảo giải ngân theo quy định.

3. Khoa Y tế dự phòng, khoa CSSKSS:

Theo chức năng nhiệm vụ được giao từng cá nhân phụ trách các chương trình y tế xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn, dự toán kinh phí, vật tư, hóa chất, thuốc, vắc xin... để phục vụ cho chương trình phụ trách.

Giám sát, kiểm tra theo dõi tiến độ hoạt động của các chương trình y tế từ khoa, phòng xuống đến thôn bản nhằm thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra hằng năm.

Hàng quý, tháng xây dựng kế hoạch cụ thể và đơn đốc thực hiện đạt kế hoạch giao.

Phối kết hợp với các khoa, phòng, trạm y tế trong đơn vị liên quan để thực hiện các hoạt động chuyên môn.

4. Trạm Y tế xã, phường:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn y tế trên địa bàn xã, phường; tổ chức các hoạt động truyền thông GDSK về các công tác Y tế dự phòng tại địa phương, tăng cường hoạt động giám sát các véc tơ truyền bệnh; huy động cộng đồng tham gia.

- Thực hiện thống kê, báo cáo, thu thập số liệu về bệnh, tử vong, yếu tố nguy cơ tại địa bàn xã, phường.

Trên đây là kế hoạch hoạt động chuyên môn năm 2023 của Trung tâm Y tế Bảo Lộc. Kính mong quý cấp quan tâm chỉ đạo để đơn vị tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ công tác Y tế trên địa bàn thành phố.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Lâm Đồng (Báo cáo);
- TTKSBT tỉnh Lâm Đồng (Báo cáo);
- Chi cục ATTP tỉnh Lâm Đồng (Báo cáo);
- UBND thành phố (Báo cáo);
- Phòng Y tế thành phố Bảo Lộc (B/cáo);
- Các khoa, phòng thuộc TTYT(Thực hiện);
- TYT xã, phường (Thực hiện);
- Lưu: VT, KHNVD&DS

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Hòa

PHỤ LỤC 1 : CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG LĨNH VỰC ĐIỀU TRỊ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số/KH-TTYT ngày .../01/2023 của TTYT TP Bảo Lộc)

ST T	Nội dung	ĐVT	PKĐK TT	PKĐK, Xã Lộc Châu	PKĐK, Xã Lộc Thanh	P. I	P. II	Phường B'lao	Phường Lộc Sơn	Phường Lộc Phát	Phường Lộc Tiến	Xã Lộc Nga	Xã Đại Lào	Xã Đam B'ri	Tổng cộng
	Dân số	Người		17,169	11,137	13,342	21,322	11,812	19,894	21,706	14,937	10,365	11,402	10,414	163,500
I	Số giường lưu		8	4	4	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
II	Khám chữa bệnh														
	Chỉ tiêu khám bệnh 2023	Lượt	129,570	2,568	3,218	1,048	1,006	1,113	1,031	1,522	1,398	2,282	3,882	1,362	150,000
	Giao đạt % KH	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
2	Chỉ tiêu Khám YHCT 2023	Lượt	25,914	1,027	1,287	419	402	445	412	609	559	913	1,553	545	34,086
	Tỷ lệ KCB YHCT thực hiện	%	20	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	
III	Quản lý sức khỏe người dân														
1	Tỷ lệ trạm y tế xã thực hiện quản lý sức khỏe người dân	%		Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	Có thực hiện	100
2	Tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khỏe	%		96	96	96	96	96	96	96	96	96	96	96	96
	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	Người		16,482	10,692	12,808	20,469	11,340	19,098	20,838	14,340	9,950	10,946	9,997	156,960
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn Bảo Lộc được cập nhật thông tin khi <u>khám chữa bệnh tại trạm y tế</u> vào hồ sơ sức khỏe	%		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

PHỤ LỤC 2 :**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG NĂM 2023***(Kèm theo Kế hoạch số/KH-TTYT ngày .../01/2023 của TTYT TP Bảo Lộc)*

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Phòng chống dịch lưu hành và các bệnh mới nổi:		
1,1	Tỷ lệ trạm y tế xã, thực hiện giám sát, báo cáo dịch bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn xã theo quy định tại Thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015	%	100
1,2	Tỷ lệ trạm y tế xã thực hiện giám sát dựa vào sự kiện theo quy định tại quyết định 2018/QĐ-BYT ngày 28/3/2018	%	80
2	Phòng chống các bệnh lây nhiễm:		
2,1	<i>Hoạt động phòng, chống Phong</i>		
	Tỷ lệ phát hiện bệnh nhân phong mới / dân số	1/100.000	<1/100,000
	Tỷ lệ bệnh nhân phong dị hình tàn tật được chăm sóc y tế	%	100
	Tỷ lệ bệnh nhân phong tàn tật nặng được phục hồi chức năng, tái hòa nhập cộng đồng	%	100
	Tỷ lệ huyện, thành phố trong vùng dịch tễ lưu hành đạt tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong tuyến huyện theo 4 tiêu chí của Bộ Y tế	%	100
	Tổng số khám sàng lọc phát hiện bệnh phong mới	lượt người	60000
	Tổng số bệnh da	bệnh nhân	3000
	Tổng số bệnh STIs	bệnh nhân	1000
2,2	<i>Hoạt động phòng, chống Lao</i>		
	Số người thử đàm phát hiện	Người	670
	Số BN lao AFB (+) phát hiện	BN	35
	Tổng số BN lao thu dung các thể	BN	72
	Số BN lao phổi AFB (+) mới thu dung điều trị	BN	35
	Tỷ lệ điều trị khỏi BN lao phổi AFB (+)	%	>85
	Số BN lao kháng thuốc thu dung	BN	1
2,3	<i>Hoạt động Loại trừ và phòng chống sốt rét</i>		
	Tỷ lệ bệnh nhân sốt rét / dân số	1/1000	<0,1
	Tỷ lệ tử vong do sốt rét / dân số	1/1000	0
	Lam xét nghiệm	Cái	2000
2,4	<i>Hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết</i>		
	Tỷ lệ mắc sốt xuất huyết /100.000 dân	1/100.000	<60
	Không chế tỷ lệ tử vong/mắc do sốt xuất huyết	%	0,1
	Tỷ lệ bệnh nhân nghi sốt xuất huyết được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh	%	3
	Tỷ lệ bệnh nhân nghi sốt xuất huyết được phân lập vi rút	%	3
	Điểm tối thiểu duy trì giám sát véc tơ thường xuyên	Điểm	
	Tỷ lệ ổ dịch sốt xuất huyết được xử lý theo quy định về chuyên môn và thời gian	%	>90

	Số điểm giám sát vec tơ lăng quăng	Điểm	11
	Số lượt giám sát vec tơ lăng quăng	Lượt	142
	Số điểm giám sát vec tơ muỗi	Điểm	7
	Số lượt giám sát vec tơ muỗi	Lượt	84
	Điểm giám sát côn trùng thường xuyên	Điểm	1
	Lượt giám sát côn trùng thường xuyên	Lượt	12
2,5	Giám ổ dịch hạch cũ	Lượt	0
3	Tiêm chủng mở rộng		
	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi	%	>95
	Tỷ lệ tiêm viêm gan B sơ sinh trước 24h sau sinh	%	>85
	Tỷ lệ trẻ em tiêm nhắc vắc xin sởi &DPT	%	>95
	Tỷ lệ trẻ em tiêm vắc xin VNNB mũi 1,2	%	>95
	Tỷ lệ trẻ em tiêm vắc xin VNNB mũi 3	%	>95
	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván đủ liều trong thai kỳ	%	>95
	Tỷ lệ trẻ được tiêm IPV đủ mũi	%	95
	Tỷ lệ tiêm chủng đủ mũi bại liệt	%	95
	Giám sát phát hiện ca chết sơ sinh	trường hợp	9
	Giám sát phát hiện ca nghi sởi	trường hợp	3
	Giám sát phát hiện liệt mềm cấp nghi bại liệt	trường hợp	
4	Phòng chống các bệnh không lây nhiễm		
	Tỷ lệ trạm y tế xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	%	100
4,1	Phòng chống tăng huyết áp.		
	Tỷ lệ sàng lọc phát hiện sớm tăng huyết áp, nguy cơ tim mạch cho nhóm người ≥ 40 tuổi ít nhất 1 lần/năm	%	40
	Tỷ lệ bệnh nhân tăng huyết áp được quản lý điều trị tại trạm y tế	%	23
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh có ít nhất 3 nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp	%	95
4,2	Phòng chống bệnh đái tháo đường.		
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh có ít nhất 2 nhóm thuốc điều trị bệnh đái tháo đường	%	95
	Tỷ lệ sàng lọc phát hiện người có nguy cơ cao hoặc nghi ngờ mắc đái tháo đường cho nhóm người ≥ 40 tuổi ít nhất 1 lần/năm (thực hiện bằng phiếu đánh giá nguy cơ và/hoặc xét nghiệm đường máu mao mạch)	%	40
	- Tỷ lệ bệnh nhân đái tháo đường được quản lý điều trị tại trạm y tế	%	>26
	- Tỷ lệ tiền đái tháo đường trong dân số 30-69 tuổi	%	<20
	- Tỷ lệ đái tháo đường trong dân số 30-69 tuổi	%	<10
4,3	Phòng chống các rối loạn do thiếu iod.		
	Tỷ lệ bướu cổ ở trẻ em 8-10 tuổi	%	<8
4,4	Phòng chống ung thư.		
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện dự phòng, quản lý bệnh ung thư	%	10

	Tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư đại trực tràng)	%	20
4,5	<i>Phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) và hen phế quản</i>		
	Tỷ lệ trạm y tế quản lý điều trị các bệnh không lây nhiễm (khám, kê đơn điều trị ngoại trú, cấp phát thuốc BHYT, có hồ sơ theo dõi lâu dài):		
	- Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	%	80
	- Bệnh hen phế quản	%	80
	Tỷ lệ người từ 40 tuổi trở lên được khám sàng lọc định kỳ 1 lần/năm để xác định nguy cơ bệnh hô hấp mạn tính	%	30
	Tỷ lệ trạm Y tế xã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh có thuốc thiết yếu cho điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản theo danh mục quy định	%	95
4,6	<i>Hoạt động phòng chống tác hại thuốc lá.</i>		
	Tỷ lệ người từ 13 tuổi trở lên được truyền thông về phòng chống tác hại của thuốc lá	%	60
4,7	<i>Hoạt động phòng chống tác hại rượu bia.</i>		
	Tỷ lệ người từ 13 tuổi trở lên được truyền thông về phòng chống tác hại của rượu bia.	%	60
4,8	<i>Bảo vệ sức khỏe tâm thần.</i>		
	Tỷ lệ trạm y tế xã triển khai bảo vệ sức khỏe tâm thần	%	100
	Tỷ lệ bệnh nhân tâm thần phân liệt được quản lý	%	>95
	Tỷ lệ bệnh nhân tâm thần phân liệt được điều trị đều	%	>95
	Tỷ lệ bệnh nhân tâm thần phân liệt được PHCN tại cộng đồng	%	>95
	Tỷ lệ bệnh nhân động kinh được quản lý	%	>95
	Tỷ lệ bệnh nhân động kinh được điều trị đều	%	>95
	Tỷ lệ bệnh nhân động kinh được PHCN tại cộng đồng	%	>95
5	<i>Phòng chống HIV/AIDS</i>		
	Tỷ lệ trạm y tế triển khai xét nghiệm sàng lọc (lấy mẫu) HIV cho nhóm trọng điểm	%	100
	Tỷ lệ trạm y tế xã thực hiện can thiệp giảm tác hại (phát bao cao su, bơm kim tiêm) cho nhóm người có nguy cơ cao (nghiện chích ma túy, bán dâm, quan hệ tình dục đồng giới, bạn tình của người nhiễm HIV)	%	100
	Tỷ lệ trạm y tế có quản lý danh sách người nhiễm HIV và có thông tin người nhiễm HIV được điều trị ARV	%	100
	Số người nhiễm HIV được phát hiện mới / 100.000 dân	người	<8
	Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con	%	<2,0
	Tỷ lệ người nhiễm HIV tử vong liên quan đến HIV/AIDS / 100.000 dân	%	<1,0
	Tỷ lệ phụ nữ bán dâm tiếp cận chương trình can thiệp giảm tác hại	%	95,0
	Tỷ lệ người nghiện chích ma túy tiếp cận chương trình can thiệp giảm tác hại	%	95,0
	Tỷ lệ người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế và các loại thuốc, bài thuốc	%	

	Tỷ lệ thanh niên 15 -24 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS	%	>80,0
	Tỷ lệ người dân 15 -49 tuổi không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV	%	>80,0
	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được xét nghiệm HIV hàng năm	%	95
	Tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV	%	95
	Tỷ lệ bệnh nhân đồng nhiễm HIV/Lao được điều trị đồng thời cả ARV và lao	%	
	Tỷ lệ bệnh nhân đồng nhiễm HIV/Viêm gan C được điều trị đồng thời cả ARV và điều trị viêm gan C	%	
	Tỷ lệ người nhiễm HIV tham gia BHYT	%	100
	Tỷ lệ người điều trị ARV có tải lượng vi rút thấp dưới ngưỡng ức chế	%	
6	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh		
6,1	Chăm sóc bà mẹ		
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai		> 97
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ		>90
	Tỷ lệ phụ nữ có thai được uống viên sắt/folic		>85
	Tỷ lệ bà mẹ đẻ được nhân viên Y tế hoặc nhân viên có đào tạo hỗ trợ		>99
	Tỷ lệ bà mẹ đẻ được xét nghiệm sàng lọc HIV trong thời kỳ mang thai		>80
	Tỷ lệ bà mẹ đẻ được xét nghiệm sàng lọc Viêm gan B trong thời kỳ mang thai		80
	Tỷ lệ bà mẹ đẻ được xét nghiệm sàng lọc Giang mai trong thời kỳ mang thai		80
	Tỷ lệ trạm y tế xã thực hiện khám sàng lọc ung thư cổ tử cung bằng VIA/VILI		70
	Tỷ lệ phụ nữ 35-54 tuổi được khám sàng lọc ung thư cổ tử cung tại trạm		>95
	Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai		25,5
	Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống		45
	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc 42 ngày sau sinh		84
	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi		11
	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi		18,5
6,2	Chăm sóc trẻ em		
	Tỷ lệ trẻ 6-36 tháng được uống Vitamin A	%	>95
	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tiêm Vitamin K1	%	>95
	Tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh < 2.500g	%	<3.9
	Tỷ lệ bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm	%	85
	Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%	20
	Tỷ lệ bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú đến khi trẻ được 24 tháng hoặc lâu hơn	%	40
	Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ 6-24 tháng tuổi ăn bổ sung đúng cách	%	60
7	Dinh dưỡng		
	Tỷ lệ Bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A	%	>96

	Tỷ lệ SDD thể nhẹ cân trẻ < 5 tuổi	%	0,01
	Tỷ lệ Trẻ SDD thể thấp còi < 5 tuổi	%	0,02
	Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai	%	25,5
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng béo phì	%	<9
	Tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành	%	<12
8	Chăm sóc sức khỏe học sinh		
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em (nhà trẻ, mẫu giáo, học sinh)	%	100
	Tỷ lệ triển khai các hoạt động truyền thông phòng chống bệnh học đường tại các trường học	%	100
	Tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện thị lực, được tư vấn và hướng dẫn rèn luyện thị lực	%	30
	Tỷ lệ trường học được triển khai y tế trường học	%	100
	Tập huấn cho cán bộ chuyên trách y tế trường học ngành giáo dục và y tế	Lớp	1
	Tỷ lệ XD KH liên ngành YT- GD năm học 2022-2023	%	100
	Ti lệ trường học được TTYT hoặc TYT kiểm tra YTTH, yếu tố vệ sinh trường học, truyền thông 1 lần/ năm	%	100
	Tỷ lệ trường tiểu học được giám sát súc miệng bằng Fluor 1 lần/ tháng	%	100
	Thực hiện báo cáo CSSKHS định kỳ và theo yêu cầu của tuyến trên	%	100
9	Phòng chống tai nạn thương tích		
	Tập huấn nâng cao năng lực PCTNTT/ Sơ cấp cứu	lần	1
	Tỷ lệ Công tác kiểm tra, giám sát PCTNTT & XD CDAT tại xã/phường/thị trấn	%	100
	Tỷ lệ các TYT, phường xây dựng KH và tài liệu truyền thông về PCTNTT	%	100
	Thực hiện truyền thông về PCTNTT tại xã/phường/thị trấn	%	100
	Xây dựng cộng đồng an toàn	Xã	0
	Tỷ lệ thực hiện báo cáo PC TNTT định kỳ và theo yêu cầu của tuyến trên	%	100
10	Chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp		
	Tỷ Lệ cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp được quản lý	%	40
	Tỷ lệ cơ sở lao động được quan trắc môi trường lao động	%	20
	Tỷ lệ cơ sở lao động được tư vấn các bệnh không lây nhiễm, thực hiện biện pháp, phòng chống, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng vệ sinh, phù hợp với điều kiện lao động, tăng cường vận động nơi làm việc	%	70
	Tỷ lệ người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp được tiếp cận thông tin về yếu tố có hại, biện pháp phòng chống và được khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp.	%	35
	Tỷ lệ người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được sơ cấp cứu tại nơi làm việc, khám bệnh, điều trị phục hồi chức năng	%	80

	Tỷ lệ người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất được tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS và nuôi con bằng sữa mẹ (lao động nữ)	%	40
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề...)	%	30
12	Vệ sinh môi trường		
	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch		
	<i>Nông thôn</i>	%	75
	<i>Thành thị</i>	%	90
	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh		
	<i>Nông thôn</i>	%	85
	<i>Thành thị</i>	%	95
	Tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng (trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh)	%	40
	Tỷ lệ các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các vùng chịu ảnh hưởng nặng nề do thiên tai được giám sát và đánh giá các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe người dân	%	100
	Tỷ lệ các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn theo phân cấp quản lý (các cơ sở có công suất < 1000m ³ / ngày đêm được kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt	%	100
	Tỷ lệ TYT được kiểm tra vệ sinh nguồn nước sạch và nhà tiêu HVS	%	100
	Tỷ lệ TYT được kiểm tra về hoạt động chương trình vệ sinh môi trường, chất thải y tế	%	100
	Tập huấn về quản lý chương trình VSMT cho tuyến cơ sở	Lớp	1
	Số hộ gia đình được kiểm tra nguồn nước và nhà tiêu HVS	HGD	500
14	Thông tin, truyền thông y tế		
	Chuyên mục sức khỏe cho mọi người	Buổi	6
	Thông điệp truyền thông giáo dục sức khỏe	Lần	90
	Truyền thông trực tiếp	Lượt người	500.000
	Tuyên truyền trên các mạng xã hội (Website, Zalo, Facebook...)	Lần	24
	Tỷ lệ trạm y tế triển khai công tác thông tin, truyền thông sức khỏe (tư vấn trực tiếp, tư vấn nhóm nhỏ, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, loa đài xã/phường)	%	100
	Tỷ lệ người dân 15-60 tuổi có kiến thức cơ bản về các bệnh lý, các vấn đề sức khỏe,... đang được triển khai	%	85